

THỰC TRẠNG BÚ SỮA MẸ HOÀN TOÀN VÀ TRONG VÒNG 1 GIỜ ĐẦU SAU SINH CỦA TRẺ EM DƯỚI 36 THÁNG TUỔI TẠI BA TỈNH: LÀO CAI, HÀ NAM, QUẢNG BÌNH NĂM 2001

ĐẶNG CẨM TÚ
KHƯƠNG VĂN DUY
NGUYỄN THỊ HÒA BÌNH

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo WHO khuyến nghị, trẻ sơ sinh cần được bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau khi sinh và được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu đời, sau đó ăn bổ sung hợp lý nhưng vẫn duy trì bú sữa mẹ đến 24 tháng tuổi. Chế độ dinh dưỡng hợp lý trong suốt thời gian này sẽ cải thiện sự tăng trưởng và phát triển thể chất, thành tích học tập của trẻ. Mặc dù vậy, thực tế tại Việt Nam, các bà mẹ không có thói quen tốt trong việc nuôi con bằng sữa mẹ khiến tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em vẫn ở mức cao. Việc thực hiện chăm sóc dinh dưỡng hợp lý như: cho trẻ bú mẹ trong vòng một giờ đầu sau khi sinh, cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và một chế độ ăn hợp lý sẽ mang lại cho trẻ bước khởi đầu khỏe mạnh. Hiện nay ở Việt Nam chỉ 55% số bà mẹ cho trẻ bú ngay trong vòng 1 giờ sau khi sinh và chỉ có 36,5% bà mẹ có ý định cho con bú kéo dài đến 24 tháng tuổi. Điều đáng lo ngại hơn là, chỉ có 10% bà mẹ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu trong khi tỷ lệ này ở Campuchia là 65%, trung bình châu Á là 40%... Tại các thành phố lớn, chỉ có 1 trong số 3 bà mẹ cho con bú ngay trong vòng một giờ đầu sau sinh, trong khi đó tại các vùng nông thôn là 2 trong 3 phụ nữ.

Hà Nam, Lào Cai và Quảng Bình là những tỉnh thuộc Đồng bằng Bắc Bộ, miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ là những nơi có đời sống kinh tế ở mức độ vừa phải và có trình độ dân trí khác nhau, nhưng việc nuôi con bằng sữa mẹ đặc biệt là cho con bú sữa mẹ hoàn toàn liệu có sự khác nhau giữa các tỉnh này như thế nào, hiện nay chưa rõ. Do vậy chúng tôi tiến hành đề tài nghiên cứu “thực trạng bú sữa mẹ hoàn toàn và trong vòng 1 giờ đầu sau sinh của trẻ em dưới 36 tháng tuổi tại ba tỉnh: Lào Cai, Hà Nam và Quảng Bình năm 2011” với mục tiêu sau: xác định tỷ lệ trẻ bú ngay trong vòng 1 giờ sau sinh, bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu ở những phụ nữ có con từ 36 tháng tuổi trở xuống tại ba tỉnh Hà Nam, Lào Cai và Quảng Bình năm 2011.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

1.1. Đối tượng nghiên cứu

- Những phụ nữ có con từ 36 tháng tuổi trở xuống
- Những phụ nữ đã xây dựng gia đình nhưng chưa có con.

1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

- Những đối tượng phụ nữ có con trên 36 tháng tuổi
- Những phụ nữ có chồng nhưng vô sinh
- Những phụ nữ tuổi dưới 18 tuổi hoặc chưa xây dựng gia đình
- Những phụ nữ bị bệnh tâm thần, hoặc những phụ nữ không có khả năng giao tiếp (câm, điếc...)

2. Địa điểm nghiên cứu

Tỉnh Hà Nam, Lào Cai và Quảng Bình

3. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu sẽ được lựa chọn trong nghiên cứu

cứu này nghiên cứu định lượng (điều tra cắt ngang) kết hợp với nghiên cứu định tính (thảo luận nhóm)

Với 852 trẻ em dưới 36 tháng tuổi của 808 bà mẹ được chọn vào nghiên cứu cắt ngang và 96 bà mẹ đã có con và có chồng nhưng chưa có con được chọn vào nghiên cứu định tính (thảo luận nhóm nhỏ tập trung)

Kỹ thuật chọn mẫu trong nghiên cứu cắt ngang được sử dụng trong nghiên cứu này là kỹ thuật chọn mẫu nhiều giai đoạn, từ chọn tỉnh (chủ đích), chọn huyện nghiên cứu (chủ đích), chọn xã nghiên cứu sử dụng kỹ thuật chọn mẫu thuận tiện, do Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chọn. Mỗi huyện chọn hai xã sẽ can thiệp sau này (thành lập câu lạc bộ nuôi con bằng sữa mẹ) và hai xã đối chứng. Tiêu chuẩn chọn xã sẽ thành lập câu lạc bộ và xã không thành lập câu lạc bộ là những xã này có cùng kiện kinh tế, xã hội và địa lý giống nhau

Các chỉ số nghiên cứu: Tỷ lệ trẻ bú ngay trong giờ đầu sau sinh, và bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; Tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ đến 24 tháng tuổi

Kỹ thuật thu thập thông tin: phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu bằng bộ câu hỏi cấu trúc và thảo luận nhóm nhỏ tập trung, có ghi bằng những ý kiến thảo luận trong nhóm.

Số liệu sau khi được thu thập, được làm sạch trước khi nhập vào máy tính. Sử dụng phần mềm EPI-INFO 6.04 để nhập số liệu với chương trình kiểm tra (check) để kiểm tra việc vào số liệu, nhằm tránh sai số khi nhập số liệu. Sau khi số liệu được nhập xong sẽ chuyển sang phần mềm SPSS để xử lý. Đối với nghiên cứu định tính các thông tin được đưa vào bảng ma trận để tạo ra khung lô gíc giữa các câu hỏi với nhau

Thời gian nghiên cứu từ tháng 5 - 7 năm 2011

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1: Phân bố đối tượng trẻ em < 36 tháng tuổi theo tình trạng bú mẹ sau sinh

Tình trạng bú sữa mẹ sau sinh	Xã XD câu lạc bộ		Xã bình thường		Cộng	
	n	%	n	%	n	%
Có bú	414	91,0	370	93,2	784	92,0
Vừa bú mẹ vừa ăn ngoài	37	8,1	22	5,5	59	6,9
Ăn sữa pha	4	0,9	5	1,3	9	1,1
Cộng	455	53,4	397	46,6	852	100,0

Trong tổng số 852 trẻ dưới 36 tháng tuổi của 808 phụ nữ đã có con, tỷ lệ trẻ được bú mẹ sau sinh chiếm 92,0%. Ở xã không xây dựng câu lạc bộ tỷ lệ trẻ bú mẹ sau sinh chiếm tới 93,2% trong khi đó ở xã sẽ xây dựng câu lạc bộ tỷ lệ này thấp hơn một chút (91,0%), nhưng tỷ lệ trẻ sau sinh vừa được bú mẹ và vừa ăn ngoài cũng như ăn hoàn toàn sữa ngoài ở các xã sẽ xây dựng câu lạc bộ cao hơn so với những xã không xây dựng câu lạc bộ, nhưng sự khác nhau này không có ý nghĩa thống kê (P > 0,05).

Bảng 2: Phân bố tỷ lệ trẻ em < 36 tháng tuổi bú mẹ theo thời gian sau sinh

Thời gian được bú sữa mẹ sau sinh	Xã XD câu lạc bộ		Xã bình thường		Cộng	
	n	%	n	%	n	%
Cho bú ngay vừa sinh	128	28,4	124	31,6	252	29,9
Sau 30 phút	132	29,3	117	29,8	249	29,5
Sau 1 giờ	63	14,0	58	14,8	121	14,4
Sau 2 giờ	38	8,4	23	5,9	61	7,2
Sau 3 giờ	24	5,3	13	3,3	37	4,4
Trên 3 giờ đến 12 giờ	22	4,9	21	5,4	43	5,1
Trên 12 giờ đến 24 giờ	11	2,4	9	2,3	20	2,4
Trên 24 giờ	33	7,3	27	6,9	60	7,1
Cộng	451	53,5	388	46,5	843	100,0

Trong tổng số 843 trẻ (bú mẹ hoàn toàn và vừa bú mẹ vừa cho ăn thêm ngoài sau sinh), tỷ lệ bú ngay sau khi vừa sinh ra (sau làm rốn và đỡ rau thai) chỉ chiếm 29,9% (ở các xã sẽ xây dựng câu lạc bộ 28,4% và ở các xã không xây dựng câu lạc bộ 31,6%), sau 30 phút sau sinh chiếm 29,5% (ở các xã sẽ xây dựng câu lạc bộ 29,3% và ở các xã không xây dựng câu lạc bộ 29,8%), sau 1 giờ sau sinh là 14,4% (ở các xã sẽ xây dựng câu lạc bộ 14,0% và ở các xã không xây dựng câu lạc bộ 14,8%). Tính chung cho trẻ được bú mẹ ngay sau 1 giờ đầu sau sinh, tỷ lệ chung cho cả hai loại xã là 73,8% (ở các xã sẽ xây dựng câu lạc bộ 71,7% và ở các xã không xây dựng câu lạc bộ 76,2%), nhưng vẫn còn 7,1% số đối tượng trẻ dưới 36 tháng tuổi vẫn sau 24 giờ mới được bú mẹ.

Bảng 3: Phân bố trẻ em < 36 tháng tuổi bú mẹ đã ăn sam

Ăn sam	Xã XD câu lạc bộ		Xã bình thường		Cộng	
	n	%	n	%	n	%
Đã cho ăn sam	382	84,7	339	86,5	721	85,5
Chưa cho ăn sam	69	15,7	53	13,5	122	14,5
Cộng	451	53,5	388	46,5	843	100,0

Trong 843 trẻ bú mẹ cũng như vừa bú mẹ vừa ăn thêm ngoài chuyển sang chế độ ăn sam chiếm 85,5%, số còn lại vẫn đang bú mẹ.

Bảng 4: Thời gian bú mẹ hoàn toàn của trẻ em < 36 tháng tuổi của trẻ chỉ bú mẹ

Thời gian bú mẹ hoàn toàn	Xã XD câu lạc bộ		Xã bình thường		Cộng	
	n	%	n	%	n	%
≤ 1 tháng	7	2,0	8	2,5	15	2,2
2 tháng	18	5,1	8	2,5	26	3,8
3 tháng	44	12,4	23	7,1	67	9,9
4 tháng	85	23,9	77	23,8	162	23,9
5 tháng	59	16,6	58	18,0	117	17,3
≥ 6 tháng	142	40,0	149	46,1	291	42,9
Cộng	355	52,4	323	45,9	678	100,0

Trong tổng số 678 trẻ bú mẹ hoàn toàn chuyển sang chế độ ăn sam, tỷ lệ bú mẹ đúng 4 tháng mới chuyển sang ăn sam chiếm 23,9% và trẻ bú mẹ hoàn toàn từ 6 tháng trở lên chiếm tới 42,9%. Tính riêng xã sẽ xây dựng câu lạc bộ tỷ lệ trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 4 tháng chiếm 23,9% và từ 6 tháng trở lên chiếm 40,0%, nhưng ở các xã không xây dựng câu lạc bộ thì tỷ lệ cho con bú mẹ hoàn toàn từ 6 tháng trở lên chiếm tới 46,1%.

Số tháng cho con bú mẹ hoàn toàn trung bình của xã sẽ xây dựng câu lạc bộ là $4,8 \pm 1,49$, ở xã không xây dựng câu lạc bộ thời gian cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trung bình là $5,0 \pm 1,44$ và ở cả hai loại xã là $4,9 \pm 1,47$ tháng.

Bảng 5: Thời gian bú mẹ hoàn toàn của trẻ em < 36 tháng tuổi vừa bú mẹ vừa ăn thêm ngoài

Thời gian bú mẹ hoàn toàn	Xã XD câu lạc bộ		Xã bình thường		Cộng	
	n	%	n	%	n	%
≤ 1 tháng	1	3,7	1	6,3	2	4,7
2 tháng	4	14,8	1	6,3	5	11,6
3 tháng	3	11,1	2	12,5	5	11,6
4 tháng	8	29,6	6	37,5	14	32,6
5 tháng	5	18,5	1	6,3	6	14,0
≥ 6 tháng	6	22,5	5	31,3	11	25,6
Cộng	27	62,8	16	39,5	43	100,0

Trong tổng số 43 trẻ sau khi sinh ra vừa được bú mẹ nhưng vừa được mẹ cho ăn thêm ngoài có thời gian bú mẹ trung bình là $4,2 \pm 1,52$ tháng, ở xã sẽ xây dựng câu lạc bộ chỉ có $4,1 \pm 1,54$ tháng. Ở xã không xây dựng câu lạc bộ thời gian cho bú mẹ trung bình $4,3 \pm 1,53$,

BÀN LUẬN

1. Nuôi trẻ bú sớm sau sinh

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO, trẻ sơ sinh cần được bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau khi sinh và được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu đời), sau đó ăn bổ sung hợp lý nhưng vẫn duy trì bú sữa mẹ đến 24 tháng tuổi. Trong kết quả nghiên cứu của chúng tôi tại 3 tỉnh (Hà Nam, Quảng Bình, Lào Cai), tỷ lệ trẻ sơ sinh được bú mẹ trong vòng 30 phút đầu sau sinh là 59,4% và tính riêng cho những xã sẽ xây dựng câu lạc bộ tỷ lệ này đạt 56,7% và những xã không xây dựng câu lạc bộ là 62,5%. Kết quả nghiên cứu của Từ Thị Mai là 34,3%, của Nguyễn Đình Quang ở phụ nữ sống ở ngoại thành là 29,5% và sống ở nội thành là 30,0%, của Chu Diệu Hương là 30% và của Trương Thị Hoàng Lan là 28,7%.

Tỷ lệ trẻ sau đẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu chiếm tới 73,8%, nếu chỉ tính riêng cho từng loại xã: xã sẽ xây dựng câu lạc bộ nuôi con bằng sữa mẹ tỷ lệ cho con bú trong vòng 1 giờ đầu sau đẻ chiếm tới 73,0% và xã không xây dựng câu lạc bộ tỷ lệ này cao hơn một chút, chiếm 74,5%. Như vậy kết quả nghiên cứu của chúng tôi so với báo cáo của Bộ Y tế là 55% số bà mẹ cho trẻ bú ngay trong vòng 1 giờ sau khi sinh, kết quả nghiên cứu của Từ Thị Mai và cộng sự, tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh là 49,3%, của Phạm Văn Hoan và cộng sự, là 45,8%. Kết quả điều tra cắt ngang về chiến lược lồng ghép dinh dưỡng cho trẻ em và trẻ khuyết tật ở hai tỉnh Cao Bằng và Đak Lak do WHO tài trợ, tỷ lệ trẻ sơ sinh được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu chiếm 69,0% trong đó ở vùng nông thôn chiếm 69,0% và vùng thị trấn, thị xã, thành phố chiếm 66%. Trong kết quả Giám sát dinh dưỡng toàn quốc của Viện Dinh dưỡng năm 2011, tỷ lệ trẻ sơ sinh được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh chiếm tỷ lệ 61,7%. Kết quả nghiên cứu của Helen L McLachlan và cộng sự, tỷ lệ phụ nữ Việt Nam di cư sang Úc cho con bú trong vòng 1 giờ đầu chỉ chiếm 75% trong khi đó phụ nữ người Úc cho con bú trong vòng 1 giờ đầu sau sinh là 84% và phụ nữ gốc Thổ Nhĩ Kỳ là 98%. Như vậy kết quả nghiên cứu của chúng tôi so với các tác giả trong nước cao hơn nhiều cả về thời gian bú mẹ trong vòng 30 phút

đầu sau sinh và trong vòng 1 giờ đầu sau sinh. Sự khác nhau này có lẽ là do hiện nay ở Việt Nam Chương trình Dinh dưỡng Quốc gia đã bao phủ khắp cả nước đồng thời nhận thức của các bà mẹ về việc nuôi con bằng sữa mẹ và cho trẻ bú sớm, bú sữa non ngay trong vòng 1 giờ đầu sau sinh đã tác động đến các bà mẹ làm thay đổi thái độ cũng như thực hành bú sữa mẹ của họ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có cao hơn kết quả nghiên cứu của về Chiến lược lồng ghép dinh dưỡng cho trẻ em và trẻ khuyết tật do WHO tài trợ cũng như Giám sát dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng là do số mẫu nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với cỡ mẫu nghiên cứu của các tác giả trên nên có sự khác nhau này.

2. Nuôi trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu

Theo khuyến cáo của WHO trong 6 tháng đầu chỉ cần cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trẻ vẫn phát triển bình thường. Bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu có vai trò rất quan trọng đối với tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe của trẻ. Lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ đã được khẳng định, chính việc áp dụng nuôi con bằng sữa mẹ còn làm cho trẻ dễ tiếp nhận các trong sóc khác. Theo ông Anthony Bloomberg, Đại diện UNICEF ở Việt Nam: “đáng tiếc là chỉ có chưa đến 1/3 các bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ trong 4 tháng đầu. Tỷ lệ trung bình thế giới là khoảng 40%. Tỷ lệ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ ở Việt Nam giảm xuống còn khoảng 5% khi trẻ được 4 đến 6 tháng tuổi. Đây là một trong các vùng có tỷ lệ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ thấp nhất - và có thể ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của trẻ nhỏ.

Trong kết quả nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đạt tới 42,9% tổng số trẻ được bú mẹ hoàn toàn sau khi sinh, tỷ lệ bú mẹ trong vòng 4 tháng đầu là 23,9% và nếu cộng cả tỷ lệ trẻ bú mẹ hoàn toàn 4 tháng đầu và tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 5 tháng đầu tỷ lệ này là 41,2%. Theo báo cáo của Bộ Y tế ở Việt Nam chỉ có 10% bà mẹ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu trong khi tỷ lệ này ở Campuchia là 65%, trung bình châu Á là 40%. Kết quả nghiên cứu của Từ Thị Mai và cộng sự, tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong vòng 6 tháng đầu là 16,2% và hoàn toàn trong 4 tháng đầu là 28,4%, của Nguyễn Đình Quang là 34,3%, của Chu Diệu Hương là 13,3%, của Từ Ngữ là 33,6% và Lê Thị Hương là 27,5%. Kết quả báo cáo hàng năm của Viện Dinh dưỡng kết hợp với Tổng cục thống kê tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong vòng 4 tháng đầu là 18,9%. Kết quả về nghiên cứu Chiến lược lồng ghép dinh dưỡng cho trẻ em và trẻ khuyết tật ở Cao Bằng và Đak Lak tỷ lệ bú sữa mẹ hoàn toàn trong vòng 6 tháng đầu dưới 10% số trẻ được điều tra và kết quả của chương trình Giám sát dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng năm 2011 tỷ lệ trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu chỉ chiếm 19,6% tổng số trẻ được giám sát. Kết quả nghiên cứu của Mohammad Khassawneh và cộng sự, tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu chiếm 58,3%, vừa bú sữa mẹ vừa ăn thêm sữa bột, nước cháo... chiếm 30,3% và ăn sữa bột hoàn toàn chiếm 11,4%. Kết quả nghiên cứu của Suneth B Agambudi và cộng sự, tỷ lệ phụ nữ có con từ 4 đến 12 tháng tuổi cho con bú sữa mẹ hoàn toàn trong 4 tháng đầu chiếm 61,6% và trong vòng 6 tháng đầu chiếm 15,5%. Kết quả Điều tra về sức khỏe cộng đồng ở Canada về Khuyết hưởng thực hành nuôi con bằng sữa

mẹ ở Canada từ năm 2001 đến năm 2008, tỷ lệ bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong vòng 4 tháng đầu tăng có ý nghĩa thống kê giữa năm 2003 (37,3%) đến năm 2005 (43,1%), nhưng sau đó tỷ lệ này không tăng ở giữa các năm 2005, 2007 và 2008 (42,8%). Tỷ lệ bà mẹ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong vòng 6 tháng đầu hoặc hơn tăng từ 17,3% năm 2003 lên đến 23,1% vào năm 2007 – 2008.

Như vậy, kết quả nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ các bà mẹ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong vòng 6 tháng đầu tương đương với kết quả điều tra sức khỏe cộng đồng Canada và cao hơn nhiều so với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác. Lý do có sự khác này có thể giải thích do cơ mẫu nghiên cứu của chúng tôi so với một số nghiên cứu như giám sát dinh dưỡng, điều tra sức khỏe cộng đồng Canada, mặt khác cũng do nhận thức của các bà mẹ ngày càng được nâng cao, mỗi gia đình chỉ sinh từ 1 đến 2 con nên việc cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu tăng. Nhưng ở đây chúng ta cần bàn đến một số lý do mà làm cho một số bà mẹ không cho con bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, mặc dù những người mẹ này hoàn toàn đủ sữa cho con bú, đó là thời gian qui định về chế độ nghỉ thai sản hiện nay chỉ có 4 tháng, nên những bà mẹ là cán bộ, công nhân, viên chức, giáo viên... đến tháng thứ 3 hoặc tháng thứ 4 bắt buộc phải cho con ăn dặm để đảm bảo đủ chất dinh dưỡng cho trẻ, như ý kiến của một phụ nữ có con dưới 36 tháng tuổi nói “mặc dù em vẫn thừa sữa cho con bú đến 6 tháng mới cho ăn dặm nhưng vì hết tháng thứ 4 em phải đi làm, đi làm xa nhà 4 – 5km, thời gian qui định cho trẻ bú chỉ được 30 phút mỗi buổi, em không đủ thời gian quay về nhà cho trẻ bú, do vậy bắt buộc tụi em phải cho trẻ ăn dặm sớm”. Một lý do làm rào cản cho phụ nữ không thể nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ đó là hiện nay trên thị trường có quá nhiều loại sữa và các nhà sản xuất loại có những khuyến mại cho các bà mẹ nhất là bà mẹ đang mang thai về sữa Mama có đầy đủ các chất như sữa non của mẹ.

KẾT LUẬN

- Tỷ lệ cho con bú sữa mẹ trong vòng một giờ đầu sau sinh đạt tỷ lệ tương đối cao (73,8% cho tất cả các xã, tính riêng cho từng loại xã là 71,7% và 76,2%)
- Tỷ lệ trẻ bú mẹ hoàn toàn trong vòng 6 tháng đầu chiếm một tỷ lệ tương đối cao (42,9% cho tất cả các xã, tính riêng cho từng loại xã là 40,0% và 46,1%)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Hoan (2006), “Thực hành nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ dưới 24 tháng tuổi tại một số xã tại Nghệ An, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Lai Châu, Điện Biên năm 2005 và Hà Tây năm 2006”. *Tạp chí dinh dưỡng và thực phẩm*, tập 2 số 3+4, tr 43-48.
2. Lê Thị Hợp, Phạm Thúy Hòa, Phạm Văn Thúy (1992). “Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ và một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình nuôi con bằng sữa mẹ hiện nay”. *Tóm tắt hội nghị khoa học Viện Dinh dưỡng*, tr 17.
3. Cao Thu Hương, Phạm Thúy Hòa, Trần Thúy Nga (2003), “Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ ở một số xã thuộc các vùng sinh thái khác nhau”. *Tạp chí Y học thực hành*, số 10, tr 13-16.
4. Chu Diệu Hương (2001), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 4 tháng đầu tại 3 vùng dân cư*. Luận văn thạc sỹ Y học, tr 67.

5. Lê Thị Hương (2008), “Kiến thức, thực hành của bà mẹ và tình trạng sinh dưỡng của trẻ em dưới 2 tuổi tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị”. *Tạp chí dinh dưỡng và thực phẩm*, tập 4, số 2 tháng 9, tr 40-47.

6. Trương Hoàng Lan (2004), *Thực hành nuôi con bằng sữa mẹ và cho trẻ ăn bổ sung của các bà mẹ có con dưới 2 tuổi tại xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam*. Luận văn tốt nghiệp bác sỹ Y khoa, tr 37.

7. Từ Thị Mai, Nguyễn Lương Hạnh, Lê Thị Hải, Phan Bích Nga, Trần Thị Huân, Lê Quang Hào, Trịnh Thị Huyền, Nguyễn Trọng Hưng và cộng sự (2008), *Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ, một số yếu tố ảnh hưởng và tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 24 tháng tuổi đến khám tại trung tâm tư vấn dinh dưỡng – Viện Dinh dưỡng*. Đề tài cấp cơ sở, Viện Dinh dưỡng, tr 13-15.

8. Từ Ngữ, Huỳnh Nam Phương, Hoàng Thu Nga,

Phí Ngọc Quyên (2007), “Tìm hiểu về thực hành ăn bổ sung và các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng dinh dưỡng ở trẻ 6 – 23 tháng tại 3 xã nông thôn Phú Thọ” *Tạp chí Dinh dưỡng và thực phẩm*, tập 3, số 4 tháng 12, tr 78-87.

Nguyễn Đình Quang (1996), *Thực hành nuôi con của bà mẹ ở nội và ngoại thành Hà Nội giai đoạn hiện nay*. Luận văn thạc sĩ, tr 23

9. Canada Community Health Survey (2009), Trends in breastfeeding practices in Canada, between 2001 and 2008.

10. Helen L Mclachlan và Della A Forster (2006), “Initial breastfeeding attitudes and practices of women born in Turkey, Vietnam and Australia after giving birth in Australia”. *International Breastfeeding Journal* 2006, 1:7 doi:10.1186/1746-4358-1-7